

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 99/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hồng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Lý**

Ông Lưu Văn Có

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Tấn Lộc** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Cẩm Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 906/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Bích T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ A X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ A X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Lê Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường V vào năm 2002. Trong thời gian đầu chung sống, mỗi người có một công việc riêng nên cuộc sống vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi sinh cháu T1 được một thời gian thì ông H đam mê bài bạc, đá gà, banh bóng dẫn đến nợ nần, vì còn yêu thương chồng và muốn con có cả bố và mẹ nên bà đã

bỏ qua cho ông H nhiều lần. Từ khi có một con đến khi có ba con rồi nhưng ông H vẫn chứng nào tật nấy, không chịu tu chí làm ăn, chăm lo kinh tế gia đình, ông H còn đam mê cờ bạc, trai gái bên ngoài, thỉnh thoảng ông H còn đánh đập bà, sinh hoạt của gia đình một mình bà phải gánh vác và xoay sở nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Gần một năm nay bà và ông H đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay cảm thấy không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà T và ông Nguyễn Văn H có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Bích T1, sinh ngày 10/4/2003, Nguyễn Ngọc Bích T2, sinh ngày 26/4/2008 và Nguyễn Anh H1, sinh ngày 29/10/2015. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Bích T1 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bích T2 và cháu Nguyễn Anh H1. Bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: giải quyết theo quy định.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H: Mặc dù, đã được Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, nhưng ông Nguyễn Văn H không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn H cũng như không hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: Đối với con chung cháu Nguyễn Ngọc Bích T1, sinh ngày 10/4/2003 đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bích T2, sinh ngày 26/4/2008 và Nguyễn Anh H1, sinh ngày 29/10/2015 cho bà Lê Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành; Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết;

+ Về án phí: Bà T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật:

Bà Lê Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn H nên tranh chấp giữa bà T và ông H là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Bị đơn ông Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại Tổ A X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

[1.3]. Về sự có mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích T xác định, bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân Phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2002 ngày 27/6/2002, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T cho rằng, quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau khi sinh con được một thời gian thì ông H đam mê bài bạc, đá gà, banh bóng dẫn đến nợ nần, vì còn yêu thương chồng, con nên bà đã bỏ qua cho ông nhiều lần nhưng ông vẫn chứng nào tật nấy, không chịu tu chí làm ăn, chăm lo kinh tế gia đình mà còn đam mê cờ bạc, trai gái bên ngoài, thỉnh thoảng còn đánh đập bà, sinh hoạt của gia đình một mình bà phải gánh vác và xoay sở nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Gần một năm nay bà và ông H đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H nhiều lần để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông H có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà T.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống chung vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận để bà T được ly hôn ông H.

[3]. Về con chung: Bà Lê Thị Bích T và ông Nguyễn Văn H có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Bích T1, sinh ngày 10/4/2003, Nguyễn Ngọc Bích T2, sinh ngày 26/4/2008 và Nguyễn Anh H1, sinh ngày 29/10/2015.

Đối với con chung cháu Nguyễn Ngọc Bích T1, sinh ngày 10/4/2003 đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bích T2, sinh ngày 26/4/2008 và Nguyễn Anh H1, sinh ngày 29/10/2015 vì từ trước đến nay hai con sống cùng với bà, hiện nay hai con đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Theo lời khai của hai con chung Thủy và H1 (trên 7 tuổi) có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, đề nghị của bà T phù hợp với nguyện vọng của hai con và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao hai con chung cho bà T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Lê Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích T được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

Con chung Nguyễn Ngọc Bích T1, sinh ngày 10/4/2003 đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao hai con chung cháu Nguyễn Ngọc Bích T2, sinh ngày 26/4/2008 và Nguyễn Anh H1, sinh ngày 29/10/2015 cho bà Lê Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà T, ông H có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Bích T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003083 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND T. Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- UBND phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang;
- T. Khánh Hòa (số 96/2002, ngày 27/6/2002);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng

